

Số: /KH-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án số 06-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai năm 2022 - lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 11/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai về việc ban hành 18 Đề án trọng tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025; Đề án số 06-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai về đổi mới, phát triển, nâng cao chất lượng Giáo dục toàn diện - Nguồn nhân lực - Khoa học công nghệ tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025; Công văn số 743-CV/TU ngày 10/12/2021 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc xây dựng kế hoạch thực hiện các đề án trọng tâm năm 2022;

Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về việc thực hiện Đề án số 06-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai về đổi mới, phát triển, nâng cao chất lượng Giáo dục toàn diện - Nguồn nhân lực - Khoa học công nghệ tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án năm 2022 đối với lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa nội dung, nhiệm vụ năm 2022 theo Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về việc thực hiện Đề án số 06-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai về đổi mới, phát triển, nâng cao chất lượng Giáo dục toàn diện - Nguồn nhân lực - Khoa học công nghệ tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025.

- Xác định rõ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể; phân công nhiệm vụ triển khai, tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động tối đa các nguồn lực cho phát triển giáo dục và đào tạo.

2. Yêu cầu

- Ngành Giáo dục và Đào tạo, các cấp, các ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện) chủ động triển khai, thực hiện Đề án theo chức năng nhiệm vụ được phân công; theo kế hoạch cả giai đoạn và từng năm; đồng thời, có sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trong quá trình thực hiện.

- Việc thực hiện kế hoạch cần có sự kế thừa, lồng ghép các chương trình, dự án, đề án đang và sẽ triển khai trên địa bàn. Chú trọng huy động nguồn lực trong nhân dân, các tổ chức cá nhân, các doanh nghiệp để thực hiện.

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan nắm vững các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của đề án để phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai kế hoạch thực hiện.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về báo cáo, sơ kết.

II. NỘI DUNG

1. Một số chỉ tiêu chính phần đầu năm 2022

- Có ít nhất 32% trẻ nhà trẻ, 98% trẻ mẫu giáo được huy động ra lớp, trong đó riêng trẻ 5 tuổi đạt 99,9%.

- Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,9%, trẻ từ 6-14 tuổi đạt 99,7%; 80% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) học lên trung học phổ thông (THPT), trung cấp chuyên nghiệp (TCCN) và học nghề, trong đó có ít nhất 70% học lên THPT; duy trì, củng cố vững chắc và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục (PCGD) ở 100% xã, phường, thị trấn; tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15-18 tuổi có bằng tốt nghiệp THCS từng xã đạt từ 90% trở lên.

- Xây dựng, công nhận mới ít nhất 08 trường đạt chuẩn quốc gia, nâng số trường đạt chuẩn quốc gia toàn tỉnh lên 398/602 trường (trừ 10 Trung tâm GDNN-GDTX), đạt 66,1%. Đẩy mạnh triển khai thí điểm xây dựng trường chất lượng cao ở thành phố Lào Cai và đẩy mạnh triển khai trường quốc tế.

- Duy trì 100% xã có trung tâm học tập cộng đồng; từ 70,5% trở lên người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được tham gia giáo dục hòa nhập ở các cấp học.

- Xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ cho ít nhất 1.170 người, nâng tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15-60 lên 95%.

- Tỷ lệ trẻ mẫu giáo được làm quen với ngoại ngữ, tin học đạt từ 35% trở lên; tỷ lệ học sinh phổ thông từ lớp 3 trở lên được học ngoại ngữ, tin học đạt từ 95% trở lên.

- Từ 85% cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, phổ thông có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên (Mầm non 94%; Tiểu học 64,17%; THCS 96,77%; THPT 99,72%); từ 85% cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông có trình độ đào tạo lý luận chính trị từ trung cấp trở lên; 100% cán bộ quản lý, giáo viên được tham gia bồi dưỡng thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới; tiếp tục nâng tỷ lệ nhà giáo là nòng cốt về chuyên môn nghiệp vụ và tham gia nghiên cứu khoa học kỹ thuật.

- Đảm bảo thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định tại các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ, giai đoạn 2021-2025, tiếp tục tăng số trường phổ thông dạy tiếng Anh 10 năm; tăng tỷ lệ học sinh học ngoại ngữ trung bình toàn tỉnh đạt 80% trở lên, trong đó: Tiểu học 60%, THCS 100%, THPT 100% (Hiện nay, trung bình toàn tỉnh 73%, trong đó: Tiểu học 52%, THCS 96,13%, THPT 100%), tổ chức bồi dưỡng (ở trong nước) nâng cao năng lực cho

250 giáo viên tiếng Anh chưa đạt chuẩn; bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho 250 cán bộ quản lý giáo dục ở trong nước.

2. Nhiệm vụ

2.1. Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới trường, lớp; phát triển quy mô giáo dục hợp lý

- Xây dựng và triển khai quy hoạch mạng lưới trường, lớp; cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (tích hợp trong quy hoạch tỉnh Lào Cai) gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

- Năm học 2022-2023, toàn tỉnh có 612 cơ sở giáo dục (Mầm non: 197; Tiểu học: 182; THCS:187; THPT: 36; Trung tâm GDNN-GDTX: 10); tổng số 230.632 học sinh (Mầm non: 57.569 trẻ em; Tiểu học: 86.541 học sinh; THCS: 60.061 học sinh; THPT: 23.261 học sinh; GDTX: 3.200 học sinh). Cụ thể:

a) Giáo dục mầm non:

Tổng số 197 trường (15 trường mầm non tư thục). Khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục mầm non tư thục ở khu vực phát triển trên cơ sở đảm bảo chất lượng. Tiếp tục huy động trẻ ra lớp: dưới 3 tuổi đạt 30%; trẻ 3-5 tuổi đạt 98%; riêng trẻ 5 tuổi đạt 99,9%; thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục trẻ.

b) Giáo dục phổ thông (Tiểu học, THCS, THPT):

- Tổng số 182 trường tiểu học (02 trường MN&TH); 187 trường THCS (84 trường THCS, 57 trường PTDTBT THCS, 21 trường TH&THCS, 25 trường PTDTBT TH&THCS); 36 trường THPT (08 trường PTDTNT THCS&THPT, 01 trường THCS&THPT); toàn tỉnh có 141 trường PTDTBT (59 trường Tiểu học; 82 trường THCS); có 169.863 học sinh, tăng 4.849 học sinh so với năm học 2021-2022, trong đó riêng THPT tăng khoảng 1.804 học sinh.

- Phần đầu tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,9%; từ 6-14 tuổi đạt 99,7%; 100% hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học vào học THCS.

- Chú trọng phân luồng, định hướng nghề nghiệp cho học sinh sau tốt nghiệp THCS; nâng tỷ lệ học sinh học lên THPT, trung cấp chuyên nghiệp và học nghề.

c) Giáo dục thường xuyên:

- Tổng số 10 trung tâm (gồm Trung tâm KTTH-HNDN&GDTX tỉnh và 09 trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện), có khoảng 3.200 học viên học chương trình GDTX cấp THPT (chưa tính học nghề). Có trên 50 trung tâm ngoại ngữ, tin học (ngoài công lập) với khoảng 16.000 học viên; 03 trung tâm giáo dục hòa nhập (ngoài công lập), 06 trung tâm giáo dục kỹ năng sống (ngoài công lập).

- Duy trì 100% trung tâm học tập cộng đồng tại các xã, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân; 70,5% người khuyết tật, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia giáo dục hòa nhập.

2.2. Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

- Xây dựng và triển khai Đề án phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên giai đoạn 2021-2025.

- Phát triển, nâng cao chất lượng toàn diện đội ngũ CBQL, giáo viên, giảng viên, đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, chuẩn hóa về trình độ đào tạo và có một bộ phận chất lượng cao (trình độ Thạc sỹ, Tiến sỹ; CBQL giỏi, giáo viên, giảng viên giỏi).

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng toàn diện, chú trọng công tác tự bồi dưỡng; nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức nhà giáo, lòng yêu nghề và năng lực chuyên môn nghiệp vụ; chú trọng xây dựng và thu hút giáo viên, giảng viên giỏi, có năng lực hội nhập, là người địa phương.

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng (nhu cầu):

+ Đào tạo nâng chuẩn trình độ chuyên môn cho 705 CBQL, giáo viên mầm non, phổ thông theo yêu cầu của Luật Giáo dục năm 2019.

+ Đào tạo trình độ đại học văn bằng 2 đối với 100 giáo viên chuẩn bị thực hiện môn học tích hợp, môn học mới và môn học thiếu nguồn tuyển.

+ Đào tạo trình độ sau đại học đối với 120 CBQL, giáo viên, giảng viên.

+ Đào tạo trình độ lý luận chính trị (từ trung cấp trở lên) cho 280 CBQL giáo dục và giáo viên (trong nguồn quy hoạch cán bộ quản lý cơ sở giáo dục).

+ Bồi dưỡng 100% cốt cán các cấp học về kiến thức, kỹ năng, ý thức trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo.

+ Bồi dưỡng cho 100% CBQL, giáo viên phổ thông để thực hiện Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo lộ trình của Ngành Giáo dục.

+ Bồi dưỡng ngắn hạn cho 140 giáo viên để chuẩn bị thực hiện môn học mới, môn học tích hợp của Chương trình giáo dục phổ thông mới.

+ Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước về giáo dục cho ít nhất 90 người.

+ Bồi dưỡng cập nhật kiến thức đối với 100% CBQL, giáo viên theo yêu cầu của vị trí việc làm.

- Hỗ trợ 100% nhà giáo và CBQL giáo dục công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định.

- Hỗ trợ đào tạo sau đại học đối với 30 người.

- Tăng tỷ lệ đảng viên trong các cơ sở giáo dục lên 58% (tăng 1,52% so với thời điểm tháng 12/2021).

2.3. Đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; kiểm định giáo dục; thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới

- Chủ động, tích cực triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới

Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Quyết định số 1677/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025.

- Thực hiện Kế hoạch số 233/KH-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Lào Cai về triển khai Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

- Chủ động, tích cực triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới; biên soạn và triển khai tài liệu giáo dục địa phương lớp 2 và lớp 6, chuẩn bị biên soạn, thẩm định lớp 7, 8, 9, 10, 11 và lớp 12; thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới đảm bảo tính khoa học, thực tiễn, liên thông, thống nhất giữa các môn học, cấp học.

- Đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ về công tác quản lý giáo dục, nội dung, hình thức, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học. Chú trọng giáo dục lý tưởng, giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kiến thức pháp luật và ý thức công dân; phát huy tính tích cực, chủ động, năng lực sáng tạo của học sinh. Nâng cao chất lượng dạy học môn tin học, ngoại ngữ ở các cơ sở giáo dục.

- Đánh giá, tổng kết và nhân rộng các mô hình trường học, mô hình tổ chức các hoạt động giáo dục, đổi mới phương pháp giáo dục, mô hình quản lý giáo dục hiệu quả của giáo dục Lào Cai.

- Nâng cao tiêu chí trường học đạt chuẩn quốc gia (cơ sở vật chất, đội ngũ, chất lượng giáo dục...), xây dựng trường chất lượng cao, trường quốc tế; triển khai hiệu quả Đề án dạy và học ngoại ngữ; Đề án Phát triển, nâng cao chất lượng hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú. Xây dựng phát triển Trường THPT Chuyên trở thành trường trọng điểm, hình mẫu các trường THPT Chuyên của khu vực, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

2.4. Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn

- Triển khai thực hiện Đề án phát triển hệ thống các trường PTDTNT, PTDTBT giai đoạn 2021-2025.

- Củng cố, phát triển hệ thống trường PTDTNT, PTDTBT. Tiếp tục ưu tiên đầu tư cho các trường này đảm bảo đủ các điều kiện hoạt động và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- 55% trường PTDTNT, 60% trường PTDTBT đạt trường chuẩn quốc gia; 15% học sinh dân tộc thiểu số (DTTS) cấp THCS và THPT được học trong trường PTDTNT và trường THPT Chuyên; 45% số học sinh DTTS trở lên cấp tiểu học và cấp THCS được học tại trường PTDTBT.

- Chuẩn hóa giáo dục vùng cao; nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ; tăng cường dạy tiếng Việt cho trẻ em 5 tuổi người DTTS; chuẩn bị các điều kiện

cho trẻ em trước khi vào lớp 1; xây dựng và nhân rộng mô hình đặc thù trong trường nội trú, bán trú gắn với hướng nghiệp và dạy nghề.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện các trường PTDTNT, PTDTBT; đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với học sinh DTTS; đảm bảo chất lượng dạy tiếng Việt và tiếng dân tộc. Chú trọng giáo dục đoàn kết các dân tộc, văn hóa các dân tộc cho học sinh; thực hiện các hoạt động giáo dục đặc thù.

2.5. Duy trì, nâng cao chất lượng PCGD, xóa mù chữ; giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh; xây dựng xã hội học tập

- Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2019-2025; đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong và ngoài nhà trường để các cấp, các ngành và toàn xã hội nâng cao nhận thức về trách nhiệm và tầm quan trọng của việc phân luồng học sinh sau THCS và THPT; đồng thời, giúp các bậc cha, mẹ học sinh và học sinh nhận thức rõ, đúng đắn hơn việc học tập và cơ hội học tập, làm việc là yêu cầu trong quá trình đảm bảo cơ cấu hợp lý nguồn nhân lực xã hội.

- Duy trì, nâng cao chất lượng PCGD, nhất là PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi, xây dựng và triển khai thực hiện PCGD mầm non cho trẻ em 4 tuổi; PCGD ở 100% xã, phường, thị trấn, 100% cấp huyện.

- Thực hiện hướng nghiệp, phân luồng sau THCS; xóa mù chữ mức độ 1, mức độ 2 cho khoảng trên 5.000 người trong độ tuổi từ 15-60; nâng tỷ lệ người biết chữ lên 95%; đào tạo nghề cho người lao động, trong đó người biết chữ trong độ tuổi từ 15-35 đạt tỷ lệ 30%.

- Phân đầu 100% trường THCS và THPT có triển khai chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; đối với các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; ít nhất 40% học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học tập tại các cơ sở GDNN; đối với các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 30% (trong đó, từ 10-15% học GDTX và học nghề).

- Tuyên truyền, vận động và tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập suốt đời cho người lớn; phân đầu mỗi cán bộ, đảng viên và gia đình cán bộ, đảng viên trở thành đơn vị học tập, công dân học tập và gia đình học tập.

2.6. Đổi mới công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, công khai, thống nhất; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục, người đứng đầu cơ sở giáo dục

- Thực hiện quy định, trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục theo Nghị định số 127/2018/NĐ-CP của Chính phủ; đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý, coi trọng chất lượng, gắn trách nhiệm quản lý chuyên môn với quản lý nhân sự và quản lý tài chính.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính; tăng cường phân cấp, phân định rõ công tác quản lý nhà nước với quản trị các cơ sở giáo dục, đào tạo; đặc biệt chú trọng

công tác quản trị nội bộ, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong các cơ sở giáo dục, đào tạo, địa phương.

- Xây dựng quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, tuyển dụng, sử dụng cán bộ, viên chức trong các cơ sở giáo dục công lập. Tăng cường hội nhập, đẩy mạnh hợp tác quốc tế; chủ động, tích cực áp dụng phương pháp quản lý giáo dục hiện đại. Xây dựng cơ chế tuyển chọn CBQL, giáo viên, giảng viên giỏi, chất lượng cao.

- Tăng cường hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan chức năng và đoàn thể nhân dân đối với hoạt động giáo dục. Ngăn chặn, xử lý kịp thời những tiêu cực, hạn chế trong giáo dục; đảm bảo thực chất, công bằng trong kiểm tra, đánh giá xếp loại cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân.

2.7. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT); nâng cao chất lượng dạy, học ngoại ngữ

a) Đẩy mạnh ứng dụng CNTT:

- Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án “Ứng dụng CNTT, đẩy mạnh giáo dục thông minh, giáo dục STEM, giai đoạn 2021-2025”.

- Hoàn thiện, phát triển hệ thống thông tin tổng thể và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo của tỉnh; xây dựng môi trường học tập, học trực tuyến, thi trực tuyến.

- Từng bước đầu tư hạ tầng CNTT để đẩy mạnh ứng dụng trong quản lý, dạy và học, đặc biệt việc dạy học trực tuyến trong điều kiện dịch bệnh, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong các cơ sở giáo dục; đưa nội dung giáo dục kỹ năng số vào 100% trường THCS, THPT vùng thuận lợi; đầu tư tối thiểu 50 phòng học Tin học cho các trường phổ thông. Xây dựng lớp học thông minh ở các trường phổ thông, trường điển hình về giáo dục STEM. Triển khai giáo dục STEM tại các trường phổ thông.

b) Nâng cao chất lượng dạy, học ngoại ngữ:

- Xây dựng và triển khai dự án “Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và GDTX giai đoạn 2021-2025”.

- Rà soát, đánh giá, xếp loại, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giáo viên để đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng; xây dựng môi trường học và sử dụng ngoại ngữ, phát động phong trào giáo viên cùng học ngoại ngữ; tăng cường dạy và học ngoại ngữ trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

- Xây dựng mô hình dạy học tiếng Anh trực tuyến; kết nối với giáo viên bản ngữ để nâng cao kỹ năng Nghe - Nói.

- Đẩy mạnh việc triển khai chương trình tiếng Anh 10 năm ở các cấp học, bao gồm dạy nối tiếp chương trình và khảo sát các lớp đầu cấp trên cơ sở đủ điều

kiện để mở rộng quy mô trường, lớp; tiếp tục nhân rộng mô hình trường điển hình về dạy - học ngoại ngữ; dạy tiếng Trung và một số ngoại ngữ khác tại một số cơ sở giáo dục, trung tâm có điều kiện.

2.8. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất (CSVC), thiết bị dạy học theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa, hiện đại hóa; đảm bảo nguồn kinh phí cho giáo dục, đào tạo

- Tập trung các nguồn lực đầu tư CSVC trường, lớp học để thực hiện Đề án và đổi mới căn bản toàn diện giáo dục; tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng, mua sắm thiết bị dạy học lớp 3, lớp 7 và lớp 10, thiết bị dạy học ngoại ngữ, tin học, gồm:

+ Đẩy nhanh tiến độ xây dựng phòng học, phòng học bộ môn, các công trình phụ trợ theo kế hoạch; mở rộng khu tăng gia sản xuất, hoạt động văn hóa, thể thao; đồng thời, tiếp tục rà soát, mở rộng quỹ đất cho các cơ sở giáo dục.

+ Đầu tư xây dựng CSVC cho các trường phấn đấu đạt chuẩn quốc gia gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới: xây dựng 120 phòng học, 150 phòng học bộ môn; nhà vệ sinh, nhà để xe, 10 nhà đa năng; 50 các công trình phụ trợ khác...

+ Đầu tư thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2, lớp 3 (cấp tiểu học), lớp 6, lớp 7 (cấp THCS) và lớp 10 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo để triển khai thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa theo lộ trình thực hiện.

+ Đầu tư phát triển hạ tầng CNTT và ứng dụng CNTT trong dạy học và quản lý; hệ thống cơ sở hạ tầng phòng học trực tuyến; xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung ngành giáo dục, xây dựng cổng thông tin điện tử liên thông các cơ sở giáo dục.

- Đảm bảo kinh phí đào tạo, bồi dưỡng giáo viên theo chỉ tiêu kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; biên soạn tài liệu địa phương; CSVC, thiết bị dạy học phục vụ tốt việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hiện có.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện chính sách.

2.9. Đẩy mạnh xã hội hóa, hợp tác và hội nhập quốc tế

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội tham gia các hoạt động giáo dục.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hội nhập quốc tế. Tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục đẩy mạnh hội nhập quốc tế thông qua việc hợp tác với các cơ sở giáo dục hoặc trung tâm nghiên cứu ở nước ngoài.

- Chủ động, tích cực trong nghiên cứu, giao lưu, hợp tác; thúc đẩy hội nhập, tiếp thu phương pháp, công nghệ, mô hình giáo dục khoa học, tiên tiến phù hợp để ứng dụng vào quản lý, điều hành, ứng dụng khoa học và công nghệ trong dạy học, hoạt động giáo dục; đồng thời, đẩy mạnh liên kết đào tạo, thu hút, tiếp nhận giáo viên người nước ngoài giảng dạy tại các cơ sở giáo dục.

- Thành lập trường phổ thông quốc tế tại thành phố Lào Cai.

3. Giải pháp thực hiện

3.1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng: giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân; đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, phải được ưu tiên đi trước. Đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng và phải được phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của toàn dân để đổi mới, phát triển giáo dục, đào tạo.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp sự nghiệp giáo dục. Nâng cao nhận thức và hành động, đề ra chủ trương đúng, trúng, ưu tiên nguồn lực đầu tư, chính sách cho sự nghiệp giáo dục.

- Đẩy mạnh giáo dục lý tưởng cách mạng, chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức lối sống, kiến thức pháp luật và ý thức công dân; đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phát huy vai trò của các đoàn thể nhân dân, Ban đại diện cha mẹ học sinh, Hội Khuyến học...

3.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo

- Nâng cao nhận thức trách nhiệm của các cấp, các ngành, gia đình và cộng đồng về mục đích, tầm quan trọng của việc thực hiện đề án để nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển nguồn nhân lực.

- Phối hợp và phân công trách nhiệm, thực hiện lồng ghép các hình thức, phương tiện thông tin - truyền thông về việc thực hiện đề án giữa ngành giáo dục và đào tạo với các ngành, các cấp chính quyền, nhà trường và các tổ chức xã hội trên địa bàn.

3.3. Đổi mới công tác quản lý, nâng cao vai trò tham mưu của ngành Giáo dục và Đào tạo

- Quán triệt sâu sắc các chủ trương, nhiệm vụ và giải pháp triển khai đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng; tăng cường phản biện xã hội để kịp thời tham mưu điều chỉnh chính sách, quản lý, chỉ đạo của các cấp quản lý giáo dục, thực hiện của các cơ sở giáo dục.

- Tiếp tục thực hiện phương châm chỉ đạo đồng bộ, quyết liệt, sâu sắc, cụ thể, hướng về cơ sở; xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm để tập trung thực hiện; tăng cường kỷ cương, nền nếp thực hiện dân chủ hoá, công khai hoá trong các cơ sở giáo dục.

- Xác định trách nhiệm, vai trò người đứng đầu ngành Giáo dục của tỉnh, từng huyện, thị xã, thành phố và các cơ sở giáo dục gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ; chủ động tham mưu, đề xuất với cấp ủy, chính quyền các cấp.

- Phát huy vai trò nòng cốt chủ động, tích cực của ngành Giáo dục trong công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp; phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, lực lượng xã hội trong tổ chức thực hiện.

3.4. Nâng cao chất lượng CBQL, giáo viên

- Thực hiện Đề án Phát triển và nâng cao chất lượng CBQL, giáo viên giai đoạn 2021-2025; thực hiện Đề án Chiến lược phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, giáo viên gắn với cuộc vận động và phong trào thi đua của ngành; nâng cao nhận thức chính trị, hiểu biết toàn diện; bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp, sự tâm huyết, gắn bó với sự nghiệp, với nhân dân.

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ; nâng cao chất lượng của hoạt động tự bồi dưỡng của CBQL, giáo viên nhằm chuẩn bị trình độ, năng lực thích ứng các yêu cầu, nhiệm vụ đổi mới.

- Tăng cường hội nhập và hợp tác quốc tế gắn với đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên giỏi.

- Thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ, đối tượng tập trung tinh giản là giáo viên, CBQL có trình độ, năng lực, sức khoẻ hạn chế, không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

3.5. Huy động mọi nguồn lực, xây dựng các cơ chế chính sách

- Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục; thực hiện tốt cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp, xã hội đầu tư giáo dục và đào tạo; thu hút các nguồn lực quốc tế thông qua hợp tác, liên kết đào tạo.

- Chủ động, tích cực hội nhập; đẩy mạnh hợp tác về đào tạo, nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục; tập trung đào tạo nhân lực chất lượng cao.

- Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục theo hướng tiếp cận các chuẩn tiên tiến quốc tế. Triển khai hiệu quả các chương trình, dự án hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- Thực hiện tốt việc lồng ghép các chính sách phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách của trung ương và địa phương đã ban hành thời gian qua.

3.6. Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế

- Xây dựng các kế hoạch để triển khai, thực hiện đáp ứng yêu cầu đổi mới phù hợp với thực tiễn giáo dục tỉnh Lào Cai.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh với mục tiêu là trung tâm đào tạo chất lượng cao, với các ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh và khu vực.

- Tạo nguồn đào tạo nhân lực chất lượng cao bằng cách tổ chức đào tạo trong tỉnh, tại các trường trung ương, đào tạo ở nước ngoài.

- Chủ động, tích cực hội nhập; đẩy mạnh hợp tác về đào tạo, nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục.

- Đẩy mạnh xã hội hóa và hợp tác quốc tế trong đào tạo nhân lực: khuyến khích phát triển các cơ sở đào tạo có chất lượng cao tăng cường hợp tác quốc tế, chọn cử người đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài và mời chuyên gia, giảng viên giỏi quốc tế đến làm việc, tham gia giảng dạy và nghiên cứu tại Lào Cai.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung một số cơ chế chính sách đặc thù của tỉnh để điều hành, khuyến khích việc huy động các nguồn lực; chú trọng nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách Nhà nước.

3.7. Xây dựng và nhân rộng các mô hình giáo dục đặc thù để nâng cao chất lượng giáo dục

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình giáo dục gắn với triển khai thực hiện quy hoạch mạng lưới trường, lớp; thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Xây dựng mô hình trường PTDTBT, trường có học sinh bán trú điển hình tiên tiến ở mỗi cấp học; trường học gắn với thực tiễn; trường học thông minh, giáo dục STEM.

- Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, bảo đảm quy mô, cơ cấu hợp lý về ngành, nghề, trình độ đào tạo (đa ngành, chuyên ngành), chuẩn hóa, hiện đại hóa, có phân tầng chất lượng.

- Tổng kết, đánh giá các mô hình giáo dục, mô hình quản lý giáo dục hiệu quả để nhân rộng toàn tỉnh. Nghiên cứu xây dựng các mô hình giáo dục đặc thù mới phù hợp với giáo dục vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh.

III. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN NĂM 2022

1. Nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án: 533.320 triệu đồng.

2. Nguồn vốn

- Sự nghiệp giáo dục ngân sách tỉnh: 385.686 triệu đồng.

- Vốn đầu tư qua Bộ, ngành trung ương: 50.094 triệu đồng.

- Ngân sách cấp huyện: 55.000 triệu đồng.

- Vốn nhân dân đóng góp và vốn khác: 42.540 triệu đồng.

(chi tiết tại phụ lục kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành các văn bản triển khai thực hiện kế hoạch; tổng hợp, báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch triển khai đề án, trong đó có tiến độ thực hiện

đầu tư xây dựng các công trình, mua sắm thiết bị dạy học và nguồn lực đầu tư; chủ trì đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành và các cơ quan có liên quan, xác định số lượng phòng học, thiết bị dạy học ưu tiên đầu tư, triển khai thực hiện; xây dựng dự toán kinh phí năm 2022, trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Xây dựng kế hoạch, chương trình tuyên truyền vận động nhân dân, các tổ chức xã hội về công tác xã hội hóa, huy động đóng góp nguồn lực triển khai thực hiện đề án.

- Phối hợp với UBND huyện, thị xã, thành phố và các sở, ngành liên quan tiếp tục thực hiện đề án rà soát, điều chỉnh mạng lưới trường, lớp; xây dựng kế hoạch sử dụng quỹ đất để có đủ phòng học và các phòng chức năng theo đề án được duyệt; thực hiện công tác phân luồng, định hướng nghề nghiệp cho học sinh tốt nghiệp THCS và THPT.

- Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng cơ chế, chính sách; chỉ đạo thực hiện chế độ, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng giáo viên, nhân viên (mầm non, tiểu học, THCS và THPT) theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải - Xây dựng và các đơn vị liên quan tổ chức, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, định kỳ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng lồng ghép và phân bổ các nguồn vốn đầu tư theo nhiệm vụ được giao đảm bảo tiến độ thực hiện Đề án.

- Hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đảm bảo quy định, phù hợp với quy mô đầu tư xây dựng các công trình theo kế hoạch phê duyệt.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan tổ chức, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch.

3. Sở Tài chính

- Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí từ nguồn vốn sự nghiệp giáo dục ngân sách tỉnh để thực hiện kế hoạch.

- Phối hợp với các ngành chức năng bố trí, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư đảm bảo thực hiện mục tiêu, tiến độ của kế hoạch này; tăng cường kiểm tra, thanh tra tài chính theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

- Hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố công tác quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; hướng dẫn kiểm tra các chủ đầu tư, các nhà thầu thực hiện việc chấp hành chế độ chính sách tài chính đầu tư phát triển, tình hình quản lý, sử dụng vốn đầu tư, thanh toán vốn đầu tư để có giải pháp xử lý các trường hợp vi phạm.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan tổ chức, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đề án.

4. Sở Giao thông vận tải - Xây dựng

- Tham mưu cho UBND tỉnh về quản lý chất lượng các công trình xây dựng cơ bản theo quy định hiện hành.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố quy hoạch, xác định quỹ đất cho các cơ sở giáo dục, đặc biệt các trường học phân đầu đạt chuẩn quốc gia.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan tổ chức, kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện các công trình xây dựng.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong công tác quy hoạch đất xây dựng trường, lớp học. Chỉ đạo đảm bảo đủ quỹ đất theo Đề án rà soát, điều chỉnh mạng lưới trường, lớp đối với giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

6. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu cho UBND tỉnh rà soát, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của địa phương đặc biệt là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Xây dựng, điều chỉnh đề án vị trí việc làm, xác định số lượng người làm việc phù hợp gắn với kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế. Bố trí, sử dụng cơ cấu viên chức hợp lý, đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

- Thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với viên chức, tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao, trọng dụng nhân tài, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực hiện có.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các ngành có liên quan thẩm định chỉ tiêu biên chế cho giáo dục trình UBND tỉnh phê duyệt.

7. Sở Y tế:

Chủ trì xây dựng kế hoạch và thực hiện chương trình chăm sóc sức khỏe cho trẻ em; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, giám sát công tác chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng trong trường, lớp mầm non; phổ biến kiến thức và cung cấp dịch vụ chăm sóc, giáo dục trẻ em tại gia đình.

8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Phối hợp với các sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác truyền thông về quyền trẻ em, vận động xã hội để củng cố, duy trì PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi và phát triển giáo dục mầm non, bảo vệ quyền trẻ em được học tập.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành, địa phương làm tốt công tác phân luồng, định hướng nghề nghiệp cho học sinh tốt nghiệp THCS và THPT; phối hợp tuyên truyền, huy động số thanh niên tốt nghiệp THCS chưa vào THPT đi học nghề.

9. Sở Ngoại vụ

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND tỉnh việc tổ chức đưa người đi đào tạo ở nước ngoài và tiếp nhận người nước ngoài vào làm việc.

10. Sở Khoa học công nghệ

- Chủ trì, tổ chức triển khai và phối hợp hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong quá trình đổi mới giáo dục và đào tạo, dạy nghề theo chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về đổi mới giáo dục và đào tạo.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham gia kiểm tra, đánh giá thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về đổi mới giáo dục, đào tạo.

11. Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và các cơ quan thông tin tuyên truyền

- Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về mục đích, ý nghĩa của việc triển khai thực hiện kế hoạch này, tạo sự quan tâm, ủng hộ rộng rãi của xã hội đối với phát triển giáo dục và đào tạo.

- Tuyên truyền vận động nhân dân, các tổ chức xã hội về công tác xã hội hóa để huy động đóng góp nguồn lực thực hiện kế hoạch đề án.

- Đài PT-TH tỉnh phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng phóng sự chuyên đề về đổi mới giáo dục và đào tạo phát trên sóng truyền hình tỉnh.

12. Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị khác có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ của mình triển khai thực hiện nội dung kế hoạch của đề án; phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo vận động học sinh giỏi là người của tỉnh Lào Cai về địa phương công tác.

13. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch này để chỉ đạo, triển khai thực hiện trên địa bàn; giao cho Phòng Giáo dục và Đào tạo làm đầu mối triển khai thực hiện kế hoạch.

- Chú trọng công tác tuyên truyền về chủ trương, chính sách cho giáo dục, vận động các tổ chức đoàn thể tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục.

- Chỉ đạo thực hiện kế hoạch tuyển dụng, bố trí, sắp xếp đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên đảm bảo số lượng, chất lượng; thực hiện chế độ, chính sách đối với giáo viên, nhân viên các loại hình cơ sở giáo dục theo quy định.

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm giải phóng mặt bằng, san tạo mặt bằng để xây dựng công trình, làm đường đi, sân chơi, hàng rào quanh khu vực trường, huy động nhân dân tham gia vận chuyển vật liệu...

- Kiểm tra, rà soát các danh mục cần thiết phải đầu tư xây dựng theo đề án được phê duyệt; tiếp nhận và sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm và hiệu quả. Thực hiện quản lý các dự án đầu tư đảm bảo quy định hiện hành của nhà nước; báo cáo kịp thời, đầy đủ theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch, chương trình tuyên truyền vận động nhân dân, các tổ chức xã hội về công tác xã hội hóa để huy động mọi nguồn lực phát triển giáo dục; đồng thời, chỉ đạo các cơ sở giáo dục tiết kiệm chi từ sự nghiệp giáo dục hằng năm để thực hiện mua sắm bổ sung thiết bị dạy học. Khuyến khích các thầy, cô giáo tự làm đồ dùng dạy học. Tổ chức quản lý, sử dụng nguồn xã hội hóa đảm bảo quy định, tiết kiệm và hiệu quả.

- Chỉ đạo việc thực hiện lồng ghép các nguồn vốn, chương trình mục tiêu, xã hội hóa vào đầu tư đồng bộ, có hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ chơi phục vụ dạy và học.

14. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức đoàn thể tỉnh

- Phối hợp tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, lý tưởng cách mạng, phẩm chất đạo đức, lối sống; đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

- Vận động, hỗ trợ nữ CBQL, giáo viên, nhân viên nâng cao năng lực, trình độ, xây dựng gia đình hạnh phúc; chăm lo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần.

- Đề xuất, tham gia xây dựng, phản biện xã hội và giám sát việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nữ CBQL, giáo viên, nhân viên; gia đình và học sinh.

Căn cứ nội dung trên, các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương và các tổ chức liên quan phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo, Đài PTTH, Công TTĐT tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH3, VX1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Giàng Thị Dung

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN SỐ 06-ĐA/TU NĂM 2022 - LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
 (Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025	Tổng nhu cầu vốn năm 2022	Vốn ngân sách năm 2022								Vốn đầu tư của các DN		Vốn nhân dân đóng góp	Vốn khác	Ghi chú	
				Tổng số	Vốn đầu tư NSDP	Vốn Sự nghiệp NSDP	Vốn CTMTQG	NSTW hỗ trợ có mục tiêu	Vốn ODA	Vốn đầu tư qua Bộ, ngành TW	Vốn TPCP	Ngân sách cấp huyện	Vốn tự có của DN				Vốn vay (tín dụng)
	TỔNG SỐ	1.973.000	533.320	465.780	-	385.686	-	-	-	50.094	-	55.000	-	-	42.540	-	
1	Đề án: Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giai đoạn 2021-2025	201.000	111.615	90.075	-	39.981	-	-	-	50.094	-	-	-	-	21.540	-	
2	Đề án: Dạy và học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục Mầm non, Phổ thông, GDTX tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025	213.000	13.500	11.000	-	11.000	-	-	-	-	-	-	-	-	2.500	-	
3	Đề án: Ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh giáo dục thông minh, giáo dục STEM, giai đoạn 2021-2025	177.000	40.675	40.675	-	40.675	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4	Đề án: Phát triển, nâng cao chất lượng hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú giai đoạn 2021-2025	200.000	50.030	17.030	-	17.030	-	-	-	-	-	25.000	-	-	8.000	-	
5	Đề án: Phát triển trường Trung học phổ thông chuyên tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030	41.000	17.500	17.000	-	17.000	-	-	-	-	-	-	-	-	500	-	

6	<p>Đề án: Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2019-2025 (tại Quyết định số 2567/QĐ-UBND ngày 19/8/2019)</p>	Kinh phí thực hiện Đề án được lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2025																
7	<p>Xây dựng phòng học, phòng học bộ môn đảm bảo dạy học, thực hiện Chương trình giáo dục thông giai đoạn 2020-2025; trường THPT dân tộc nội trú tỉnh và trường PTDT nội trú THCS & THPT Bảo Thắng</p>	909.000	Kế hoạch đầu tư xây dựng phòng học, phòng học bộ môn được thực hiện theo Luật đầu tư công, chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, giao kế hoạch vốn đầu tư															
8	<p>Kế hoạch triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới trên địa bàn tỉnh Lào Cai</p>	232.000	300.000	290.000	-	260.000	-	-	-	-	-	30.000	-	-	10.000	-		